



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

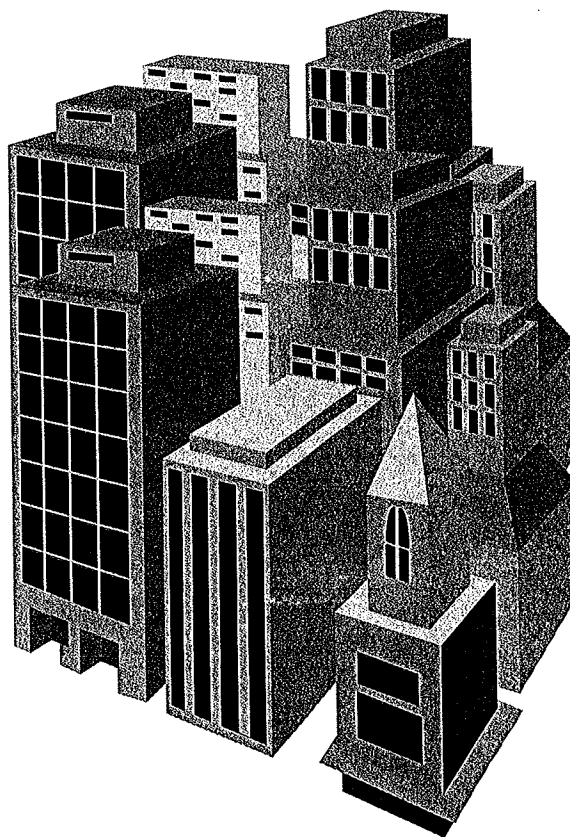
📖 : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM

☎ : 38753021

Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày: 31/03/2016



Tp Hồ Chí Minh

Tháng 04/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.378.360.458.117	2.486.991.060.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		53.394.689.557	153.928.335.420
1. Tiền	111		27.938.225.684	8.397.440.120
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.456.463.873	145.530.895.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	43.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			43.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.699.760.725	89.410.402.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		82.363.908.271	81.430.725.898
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.902.683.242	4.727.154.910
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		5.832.538.798	7.000.676.117
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.399.369.586)	(3.748.154.148)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.209.484.072.325	2.195.670.541.610
1. Hàng tồn kho	141		2.209.484.072.325	2.195.670.541.610
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.781.935.510	4.481.780.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.781.935.510	4.481.780.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		925.878.206.781	875.051.825.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		109.822.961.803	109.188.605.876
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		87.236.891.506	87.740.748.285
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		8.111.783.885	7.776.783.885
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		22.260.286.412	21.457.073.706


Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220		23.685.625.394	24.528.354.287
1. Tài sản cố định hữu hình	221		23.591.728.562	24.422.595.374
- Nguyên giá	222		76.946.629.932	76.946.629.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.354.901.370)	(52.524.034.558)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		93.896.832	105.758.913
- Nguyên giá	228		1.702.748.781	1.702.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.608.851.949)	(1.596.989.868)
III. Bất động sản đầu tư	230		84.024.533.015	84.913.864.301
- Nguyên giá	231		129.921.865.375	131.865.213.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.897.332.360)	(46.951.349.315)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		483.550.333.640	439.962.189.782
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		483.550.333.640	439.962.189.782
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		219.406.262.859	212.571.499.411
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		217.606.661.849	210.515.935.411
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.135.455.455	3.135.455.455
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.854.445)	(1.079.891.455)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.388.490.070	3.887.311.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.673.677.735	398.186.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		384.270.126	63.424.523
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	269		3.330.542.209	3.425.700.558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.304.238.664.898	3.362.042.885.945
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.292.310.164.365	1.336.864.865.893
I. Nợ ngắn hạn	310		365.565.392.990	415.186.955.042
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.774.845.989	13.147.110.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.225.804.859	124.227.686.529
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		18.376.094.128	37.181.039.017
4. Phải trả người lao động	314		1.866.710.786	6.833.356.656
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18.529.013.983	23.550.996.794
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.444.307.440	2.453.135.806
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		21.149.433.710	102.037.062.752
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		157.989.822.728	101.226.731.058
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.209.359.367	4.529.835.436
II. Nợ dài hạn	330		926.744.771.375	921.677.910.851

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
1. Phải trả người bán dài hạn	331		50.657.500.835	50.657.500.835
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		88.668.326.974	82.010.966.094
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		106.146.113.401	106.699.017.156
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		216.097.969.572	208.197.967.911
7. Phải trả dài hạn khác	337		132.120.390.625	116.800.268.955
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		331.743.479.025	356.133.554.567
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.310.990.943	1.178.635.333
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.011.928.500.533	2.025.178.020.052
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.011.928.500.533	2.025.178.020.052
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		867.201.440.000	867.201.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		867.201.440.000	867.201.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		250.735.326.206	250.735.326.206
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420		12.332.000.000	12.332.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.909.676.327	284.159.195.846
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		261.643.871.915	104.380.579.746
- Kỳ này	421b		9.265.804.412	179.778.616.100
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.304.238.664.898	3.362.042.885.945

TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Kim Phụng
Người lập biểu



Nguyễn Dương An
Kế toán trưởng



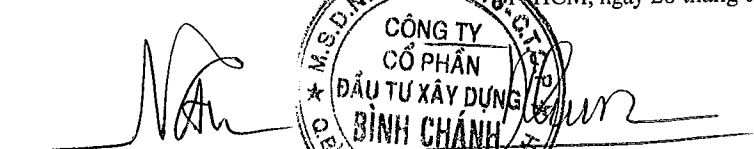
Nguyễn Thụy Nhân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 1/2016

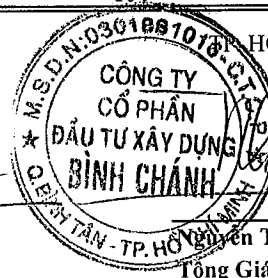
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính:: VNĐ			
			Quý 01/2016	Quý 01/2015	Lũy kế đến quý 1/2016	Lũy kế đến quý 1/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung	01		43.408.465.394	22.493.961.526	43.408.465.394	22.493.961.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		48.142.863		48.142.863	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.360.322.531	22.493.961.526	43.360.322.531	22.493.961.526
4. Giá vốn hàng bán	11		20.966.472.835	9.706.797.850	20.966.472.835	9.706.797.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.393.849.696	12.787.163.676	22.393.849.696	12.787.163.676
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		371.262.618	1.032.537.399	371.262.618	1.032.537.399
7. Chi phí tài chính	22		4.069.208.946	3.121.193.210	4.069.208.946	3.121.193.210
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.193.963.366	3.084.590.329	3.193.963.366	3.084.590.329
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.090.726.438	9.105.826.840	7.090.726.438	9.105.826.840
9. Chi phí bán hàng	25		161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.182.897.434	9.869.566.471	11.182.897.434	9.869.566.471
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		14.442.255.413	9.591.519.718	14.442.255.413	9.591.519.718
12. Thu nhập khác	31		1.499.347.807	184.022.514	1.499.347.807	184.022.514
13. Chi phí khác	32		4.841.196.943		4.841.196.943	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.341.849.136)	184.022.514	(3.341.849.136)	184.022.514
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.100.406.277	9.775.542.232	11.100.406.277	9.775.542.232
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.155.447.468		2.155.447.468	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(320.845.603)	15.362.491	(320.845.603)	15.362.491
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.265.804.412	9.760.179.741	9.265.804.412	9.760.179.741
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.265.804.412	9.760.179.741	9.265.804.412	9.760.179.741
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		104	104	104	104
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		104	104	104	104



Nguyễn Kim Phụng
 Người lập biểu



Nguyễn Dương An
 Kế toán trưởng



HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016


Nguyễn Văn Thụy Nhân
 Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

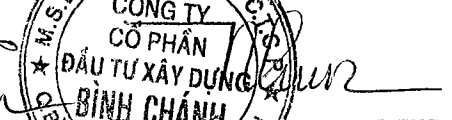
Đơn vị tính: VNĐ

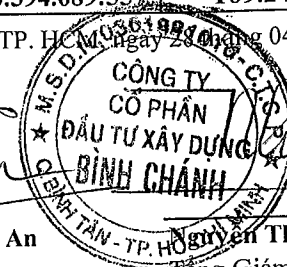
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý 01/2016	Quý 01/2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.100.406.277	9.775.542.232
	2. Điều chỉnh cho khoản:		(1.660.561.129)	(5.296.171.421)
02	Khấu hao tài sản cố định		1.827.218.528	1.759.533.493
03	Các khoản dự phòng		(92.821.572)	19.890.000
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.461.989.056)	(10.138.364.239)
06	Chi phí lãi vay		4.067.030.971	3.062.769.325
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.439.845.148	4.479.370.811
09	Tăng/ giảm các khoản phải thu		19.633.674.687	20.056.458.915
10	Tăng/ giảm hàng tồn kho		(13.629.992.543)	(12.479.771.564)
11	Tăng/ giảm các khoản phải trả		25.390.112.220	(33.190.725.809)
12	Tăng/ giảm chi phí trả trước		(1.275.491.299)	(253.910.717)
13	Tiền lãi vay đã trả		(3.832.410.354)	(1.955.639.336)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.636.792.642)	(250.257.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.835.800.000)	(2.511.179.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.746.854.783)	(26.105.654.115)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.588.143.858)	(490.126.528)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.301.134.650	23.692.906.978
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(41.287.009.208)	23.202.780.450
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		35.856.673.411	115.026.937.227
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.483.657.283)	(90.263.910.551)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(85.872.798.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(53.499.781.872)	24.763.026.676
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(100.533.645.863)	21.860.153.011
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		153.928.335.420	87.389.499.218
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		53.394.689.557	109.249.652.229

TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016


 Nguyễn Kim Phụng
 Người lập biểu


 Nguyễn Dương An
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thụy Nhân
 Tổng Giám đốc



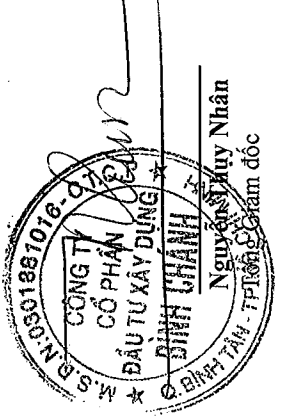
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH
 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày: 31/03/2016

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VNĐ
Năm trước						Cộng
Số đầu năm	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028	12.332.000.000	193.786.240.662	1.770.887.700.690
Tăng vốn trong năm	144.531.440.000				(72.264.440.000)	72.267.000.000
Lợi nhuận trong năm					292.903.369.713	292.903.369.713
Có tức công bố					(86.720.144.000)	(86.720.144.000)
Trích lập các quỹ trong năm			19.385.924.178		(19.385.924.178)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, điều hành					(24.159.906.351)	(24.159.906.351)
Số cuối năm	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	12.332.000.000	284.159.195.846	2.025.178.020.052
Năm nay						
Số đầu năm	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	12.332.000.000	284.159.195.846	2.025.178.020.052
Tăng vốn trong năm						
Lợi nhuận trong năm					9.265.804.412	9.265.804.412
Có tức công bố						
Chia lãi hợp tác đầu tư						
Trích lập các quỹ trong năm						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, điều hành					(22.515.323.931)	(22.515.323.931)
Điều chỉnh khác						
Số cuối năm	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	12.332.000.000	270.909.676.327	2.011.928.500.533

TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016



(Signature)

Nguyễn Kim Phụng
 Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Dương An
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 1 năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Đầu tư Xây dựng Bình Chánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Xây dựng Bình Chánh và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của “Nhóm Công ty” tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**: Do đặc thù của Công ty kinh doanh bất động sản nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không cố định
- Cấu trúc doanh nghiệp**
Tổng số các công ty con : 02
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

1. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty cổ phần BCI	510 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM	100%	100%
Công ty TNHH Đầu tư phát triển BCCI	550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM	100%	100%

2. Danh sách công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ siêu thị Big C An Lạc	1231 Quốc Lộ 1A, KP5, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM	20%	20%
Công ty Cổ phần và Đầu Tư BĐS Sài Gòn Châu Á	196 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	50%	50%
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	1231 Quốc Lộ 1A, KP5, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM	20%	20%
Công ty TNHH EB Thành phố Mới	Lô A KDC Cityland, số 99 đường Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q7, Tp.HCM	20%	20%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của “Nhóm Công ty” bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

“Nhóm Công ty” áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

“Nhóm Công ty” sử dụng hình thức nhật ký sổ cái, nhật ký chung, chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng “Nhóm Công ty”, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của “Nhóm Công ty” và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của “Nhóm Công ty” trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày “Nhóm Công ty” nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày “Nhóm Công ty” không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp “Nhóm Công ty” không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó “Nhóm Công ty” vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết là công ty mà “Nhóm Công ty” có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của “Nhóm Công ty” trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của “Nhóm Công ty” trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi “Nhóm Công ty” có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về “Nhóm Công ty” khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của “Nhóm Công ty” được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

- Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án.
- Nhà xưởng: từ 10 – 25 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3-5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập chi phí bảo hành của “Nhóm Công ty” được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của “Nhóm Công ty” bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ “Nhóm Công ty”.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	292.421.660	53.838.812
Tiền gửi ngân hàng	27.645.804.024	8.343.601.308
Các khoản tương đương tiền (*)	25.456.463.873	145.530.895.300
Cộng	53.394.689.557	153.928.335.420

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi với lãi suất trong từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

(*) Khoản tương đương tiền trị giá 2.881.000.000đ được dùng làm tài sản thế chấp cho Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	43.500.000.000	43.500.000.000
Cộng	-	-	43.500.000.000	43.500.000.000

2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	4.862.761.312		4.862.761.312	4.862.761.312		4.862.761.312
Công ty TNHH Cao ốc Xanh	20.011.153.320		20.011.153.320	20.011.153.320		20.011.153.320

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH TM& DV Siêu thị Big C An Lạc	178.332.747.217		178.332.747.217	171.242.020.779		171.242.020.779
Công ty TNHH EB Thành phố Mới	14.400.000.000		14.400.000.000	14.400.000.000		14.400.000.000
Cộng	217.606.661.849	-	217.606.661.849	210.515.935.411	-	210.515.935.411

Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát Triển nhà Thủ Đức	1.312.145.455	(1.096.721.455)	215.424.000	1.312.145.455	(1.079.891.455)	232.254.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	123.310.000		123.310.000	123.310.000		123.310.000
Đầu tư dài hạn khác	1.700.000.000	(239.132.990)	1.460.867.010	1.700.000.000		1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	(1.335.854.445)	1.799.601.010	3.135.455.455	(1.079.891.455)	2.055.564.000

3. Phải thu khách hàng**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng tại Công ty BCCI	81.876.558.131	80.945.171.717
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	487.350.140	485.554.181
Cộng	82.363.908.271	81.430.725.898
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.399.369.586)	(3.748.154.148)

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng mua đất nền, căn hộ chung cư các dự án	87.236.891.506	87.740.748.285
Cộng	87.236.891.506	87.740.748.285

4. Trả trước cho người bán**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán (BCCI)	23.170.816.042	2.166.287.710
Trả trước cho người bán (LMX)	2.718.887.200	2.547.887.200
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	12.980.000	12.980.000
Cộng	25.902.683.242	4.727.154.910

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho khách hàng	8.111.783.885	7.776.783.885
Cộng	8.111.783.885	7.776.783.885

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	87.745.453		1.531.888.570	
Tạm ứng nhân viên	4.203.129.141		4.157.183.439	
Các khoản phải thu khác	1.502.280.204		1.283.269.263	
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	39.384.000		28.334.845	
Cộng	5.832.538.798		7.000.676.117	

b. Dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng để thực hiện các dự án	11.634.813.505	7.786.000.000	11.634.813.505	7.786.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (*)	9.367.999.568		9.326.254.362	
Phải thu khác	1.257.473.339		496.005.839	
Cộng	22.260.286.412	7.786.000.000	21.457.073.706	7.786.000.000

(*) Nhóm công ty kê khai tạm nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền trong trường hợp chưa xác định được doanh thu và chi phí tương ứng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.196.719.578.136		2.183.266.818.995	
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268		251.635.268	
Hàng hóa bất động sản	11.660.744.979		11.660.744.979	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên nhiên liệu	323.626.242		286.631.689	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - DVI	528.487.700		204.710.679	
Cộng	2.209.484.072.325	-	2.195.670.541.610	-

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
KCN LMX mở rộng	230.464.491.658	230.464.491.658	219.018.891.658	219.018.891.658
Khu tiểu thủ công nghiệp	39.324.995.713	39.324.995.713	7.249.313.254	7.249.313.254
Công trình khác	8.606.492.061	8.606.492.061	8.661.241.889	8.661.241.889
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty cổ phần BCI	205.154.354.208	205.154.354.208	205.032.742.981	205.032.742.981
Cộng	483.550.333.640	483.550.333.640	439.962.189.782	439.962.189.782

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ	Nhà cửa vật kiến trúc	TỔNG CỘNG
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	38.354.486.674	11.938.837.360	2.223.983.659	24.429.322.239	76.946.629.932
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	38.354.486.674	11.938.837.360	2.223.983.659	24.429.322.239	76.946.629.932
II. Giá trị đã hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	30.197.178.263	10.536.519.800	2.223.983.659	9.566.352.836	52.524.034.558
2. Số tăng trong kỳ	491.884.344	111.162.534	-	227.819.934	830.866.812
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	30.689.062.607	10.647.682.334	2.223.983.659	9.794.172.770	53.354.901.370
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	8.157.308.411	1.402.317.560	-	14.862.969.403	24.422.595.374
2. Số cuối kỳ	7.665.424.067	1.291.155.026	-	14.635.149.469	23.591.728.562

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
I. Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
Số tăng trong kỳ		-	-
Số giảm trong kỳ			-
Trong đó:- Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
II. Giá trị hao mòn			
Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.265.245.717	1.596.989.868
Số tăng trong kỳ		11.862.081	11.862.081
Số giảm trong kỳ			-
Số cuối kỳ	331.744.151	1.277.107.798	1.608.851.949
III. Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	105.758.913	105.758.913
Số cuối kỳ	-	93.896.832	93.896.832

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Đất cho thuê khu CN	Đất cho thuê khu TTCN	Đất bê tông vỉa hè KCN LMX	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
I. Nguyên giá				
Số đầu năm	111.043.734.982	20.091.182.069	730.296.565	131.865.213.616
Số tăng trong kỳ				0
Số giảm trong kỳ		1.943.348.241		1.943.348.241
Số cuối kỳ	111.043.734.982	18.147.833.828	730.296.565	129.921.865.375
II. Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	29.562.163.208	17.317.038.452	72.147.655	46.951.349.315
Số tăng trong kỳ	657.109.450	227.026.131	5.195.705	889.331.286
Số giảm trong kỳ		1.943.348.241		1.943.348.241
Số cuối kỳ	30.219.272.658	15.600.716.342	77.343.360	45.897.332.360
III. Giá trị còn lại				
Số đầu năm	81.481.571.774	2.774.143.617	658.148.910	84.913.864.301
Số cuối kỳ	80.824.462.324	2.547.117.486	652.953.205	84.024.533.015

11. Tài sản khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.237.790.625	3.140.191.627
Thuế GTGT được khấu trừ (BCI)	1.343.743.261	1.341.589.338
Thuế GTGT được khấu trừ (DVI)	200.401.624	
Cộng	4.781.935.510	4.481.780.965

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.673.122.187	396.797.553
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	384.270.126	63.424.523
Chi phí trả trước dài hạn (DVI)	555.548	1.388.882
Lợi thế thương mại	3.330.542.209	3.425.700.558
Cộng	5.388.490.070	3.887.311.516

12. Vay và nợ thuê tài chính**❖ Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VP Bank - CN TP.HCM, 9/2015/HĐHM/C MB-HCM ngày 01/04/2015	27.494.378.392	27.494.378.392	18.164.799.953	1.525.950.283	10.855.528.722	10.855.528.722
Cộng	27.494.378.392	27.494.378.392	18.164.799.953	1.525.950.283	10.855.528.722	10.855.528.722

❖ Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng):

Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng)	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TPHCM, HĐ 17, 27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000			1.720.000.000	1.720.000.000
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	2.666.666.668	2.666.666.668			2.666.666.668	2.666.666.668
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 -)	3.066.666.668	3.066.666.668			3.066.666.668	3.066.666.668
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048-05/09/2014)	22.573.716.000	22.573.716.000	11.378.437.000		11.195.279.000	11.195.279.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vay NH Phương Đồng HĐ 06- 1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+ KDC Tân Tạo)	100.468.395.000	100.468.395.000	28.840.180.000	94.375.000	71.722.590.000	71.722.590.000
Cộng	130.495.444.336	130.495.444.336	40.218.617.000	94.375.000	90.371.202.336	90.371.202.336

❖ Vay dài hạn hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17- 27/5/2010	461.915.000	461.915.000		430.000.000	891.915.000	891.915.000
Vay NH Phương Đồng HĐ 06- 1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+ KDC Tân Tạo)	200.313.923.993	200.313.923.993	17.434.245.458	28.840.180.000	211.719.858.535	211.719.858.535
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048- 05/09/2014)	56.434.301.368	56.434.301.368	257.628.000	11.378.437.000	67.555.110.368	67.555.110.368
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	34.666.669.332	34.666.669.332		666.666.000	35.333.335.332	35.333.335.332
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 -)	39.866.669.332	39.866.669.332		766.666.000	40.633.335.332	40.633.335.332
Cộng	331.743.479.025	331.743.479.025	17.691.873.458	42.081.949.000	356.133.554.567	356.133.554.567

❖ Các khoản nợ thuê tài chính

❖ Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

❖ Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Bên cho vay	Dư nợ vay (VNĐ)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 9/2015/HĐHM/CMB- HCM ngày 01/04/2015	27.494.378.392	< 8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 1,3%/năm	Tín chấp
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 17A/2010/HĐTD- ĐTTTC- TD ngày 27/5/2010	2.181.915.000	84 tháng	Đầu tư dự án xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)	8,125%/năm	Bảo lãnh ngân hàng
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4					
Hợp đồng số 06/2015/HĐTD-DN ngày 01/07/2015	300.782.318.993	48 tháng	Đầu tư dự án An Lạc Plaza, khu dân cư 11A (Corona	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +	- Quyền sử dụng đất tại số 158 đường An Dương Vương,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

			City), khu trung tâm dân cư Tân Tạo	biên độ 2,9%/năm	P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – PGD Bình Tân					
Hợp đồng số LD1424800048 ngày 05/09/2014	79.008.017.368	60 tháng	Đầu tư dự án Khu định cư Phong Phú 4	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,2%/năm	Một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú
Hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015	37.333.336.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	Quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m ² đất tại khu dân cư I – Khu 11A
Hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015	42.933.336.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	
Tổng cộng	489.733.301.753				

13. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571
XN Xây dựng công trình cảng	447.763.019	447.763.019	447.763.019	447.763.019
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	867.321.118	867.321.118	1.176.608.116	1.176.608.116
Phải trả các đối tượng khác	5.726.201.146	5.726.201.146	8.521.569.041	8.521.569.041
Phải trả người bán - Tại DVI	27.834.135	27.834.135	1.261.923.038	1.261.923.038
Phải trả người bán - Tại BCI	-	-	33.521.209	33.521.209
Cộng	8.774.845.989	8.774.845.989	13.147.110.994	13.147.110.994

b. Dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty XD số 1 - CC1	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735
Phải trả các đối tượng khác	341.432.100	341.432.100	341.432.100	341.432.100
Cộng	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835

14. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	135.225.804.859	124.002.506.145
Bên liên quan trả tiền trước	-	225.180.384
Cộng	135.225.804.859	124.227.686.529

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	88.668.326.974	82.010.966.094
Cộng	88.668.326.974	82.010.966.094

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Phải nộp	Đã nộp	
Thuế	34.953.599.117	13.479.660.615	32.149.795.918	16.283.463.814
Thuế GTGT	3.183.696.909	4.352.426.653	5.335.798.285	2.200.325.277
+ Công ty	(1.326.429.329)	1.742.079.045	-	415.649.716
+ Khu công nghiệp LMX	3.906.125.139	2.610.347.608	4.731.797.186	1.784.675.561
+ Công ty BCCI.DVI	604.001.099	-	604.001.099	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.939.646.816	2.332.002.260	15.636.792.642	9.634.856.434
Bất động sản (20%)+ HĐ khác	26.862.410.431	2.155.447.468	15.098.511.403	13.919.346.496
Điều chỉnh thuế tiến độ sang thuế quyết toán	(2.130.490.326)	(61.369.422)	-	(2.191.859.748)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Bất động sản (20%)+ HĐ khác</i>	435.166.611	-	435.166.611	-
<i>Tiến độ 1%</i>	(2.227.439.900)	237.924.214	103.114.628	(2.092.630.314)
-Thuế thu nhập cá nhân	8.765.221.965	6.607.476.588	10.985.996.453	4.386.702.100
Thuế tài nguyên (Công ty)	36.346.062	107.039.189	111.615.903	31.769.348
Thuế tài nguyên (LMX)	28.687.365	70.715.925	69.592.635	29.810.655
-Thuế môn bài, thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	34.953.599.117	13.479.660.615	32.149.795.918	16.283.463.814

16. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	4.040.062.523	3.621.903.734
Chi phí phải trả khác	7.798.269.778	7.558.059.778
Chi phí phải trả tại KCN LMX	6.668.222.773	9.802.255.864
Chi phí phải trả khác (DVI)	22.458.909	2.559.686.509
Chi phí phải trả khác (BCI)		9.090.909
Cộng	18.529.013.983	23.550.996.794

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	106.146.113.401	106.699.017.156
Cộng	106.146.113.401	106.699.017.156

17. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	12.195.139.104	7.698.394.559
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	1.137.177.900	87.857.616.900
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	7.472.871.935	5.923.638.579

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả ngắn hạn (DVI)	344.244.771	554.957.354
Phải trả ngắn hạn (BCI)		2.455.360
Cộng	21.149.433.710	102.037.062.752

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí còn phải trả các dự án đầu tư	132.120.390.625	116.800.268.955
Cộng	132.120.390.625	116.800.268.955

18. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	2.429.324.339	2.380.530.356
Doanh thu chưa thực hiện (DVI)	14.983.101	72.605.450
Cộng	2.444.307.440	2.453.135.806

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	216.097.969.572	208.197.967.911
Doanh thu chưa thực hiện (DVI)		
Cộng	216.097.969.572	208.197.967.911

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	262.198.189	259.299.773
Lợi nhuận chưa thực hiện	139.621.028	141.140.235
Lãi tiền gửi dự thu	(17.549.091)	(337.015.485)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	384.270.126	63.424.523
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

20.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	867.201.440.000	867.201.440.000
Cộng	867.201.440.000	867.201.440.000

20.2 Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.720.144	86.720.144
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	86.720.144
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	86.720.144
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

20.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lũy kế quý 1/16	Lũy kế quý 1/15 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.265.804.412	9.760.179.741
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	231.645.110	732.013.481
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	9.034.159.302	9.028.166.260
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	86.720.144	86.720.144
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	104	104
- <i>Lãi suy giảm</i>	104	104

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý: 2.469.845.243 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	11.096.150.856	4.000.303.925	11.096.150.856	4.000.303.925
Hoạt động dịch vụ sàn giao dịch	196.289.618	439.501	196.289.618	439.501
Cho thuê mặt bằng	936.373.742	860.288.930	936.373.742	860.288.930
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	4.304.667.030	4.076.512.266	4.304.667.030	4.076.512.266
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	18.923.620.738	2.781.461.872	18.923.620.738	2.781.461.872
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	7.441.247.055	10.379.931.594	7.441.247.055	10.379.931.594
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	502.843.628	395.023.438	502.843.628	395.023.438
Tại Công ty Cổ phần BCI	7.272.727		7.272.727	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(48.142.863)	-	(48.142.863)	-
Cộng	43.360.322.531	22.493.961.526	43.360.322.531	22.493.961.526

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	6.900.122.070	1.385.626.073	6.900.122.070	1.385.626.073
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	1.239.101.600	1.661.159.916	1.239.101.600	1.661.159.916
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	6.386.746.313	680.088.127	6.386.746.313	680.088.127
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	6.095.851.665	5.366.839.950	6.095.851.665	5.366.839.950
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	344.651.187	613.083.784	344.651.187	613.083.784
Cộng	20.966.472.835	9.706.797.850	20.966.472.835	9.706.797.850

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	352.496.424	995.595.750	352.496.424	995.595.750
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN LMX	1.159.385	-	1.159.385	-
Tại Công ty Cổ phần BCI	624.965	36.558.493	624.965	36.558.493
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	16.981.844	383.156	16.981.844	383.156

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	371.262.618	1.032.537.399	371.262.618	1.032.537.399
-------------	--------------------	----------------------	--------------------	----------------------

4. Chi phí tài chính

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3.656.900.316	3.084.590.329	3.656.900.316	3.084.590.329
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	16.830.000	19.890.000	16.830.000	19.890.000
Chi phí tài chính khác	156.345.640	16.712.881	156.345.640	16.712.881
Dự phòng ĐT - Cty CP Cấp nước Dầu Tiếng	239.132.990		239.132.990	
Cộng	4.069.208.946	3.121.193.210	4.069.208.946	3.121.193.210

5. Thu nhập khác

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	287.282.994	127.365.709	287.282.994	127.365.709
Thu khác + KCN LMX	1.211.764.813	17.368.530	1.211.764.813	17.368.530
Tại Công ty Cổ phần BCI		31.818.185	-	31.818.185
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	300.000	7.470.090	300.000	7.470.090
Cộng	1.499.347.807	184.022.514	1.499.347.807	184.022.514

6. Chi phí khác

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí khác + KCN LMX	4.839.196.943	-	4.839.196.943	-
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	2.000.000		2.000.000	
Cộng	4.841.196.943	-	4.841.196.943	-

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516
Cộng	161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.323.820.923	7.049.855.579	5.323.820.923	7.049.855.579
Chi phí vật dụng văn phòng	26.492.424	9.135.707	26.492.424	9.135.707
Khấu hao tài sản cố định	179.174.865	377.185.433	179.174.865	377.185.433
Thuế, phí và lệ phí	249.681.453	417.899.325	249.681.453	417.899.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	971.745.228	322.798.881	971.745.228	322.798.881
Chi phí bằng tiền khác	3.680.756.430	1.042.161.904	3.680.756.430	1.042.161.904
Chi phí QLDN KCN LMX	260.170.277	381.270.225	260.170.277	381.270.225
Phân bổ lợi thế thương mại	95.158.349	-	95.158.349	-
Tại Công ty Cổ phần BCI	5.643.564	7.910.000	5.643.564	7.910.000
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	390.253.921	261.349.417	390.253.921	261.349.417
Cộng	11.182.897.434	9.869.566.471	11.182.897.434	9.869.566.471

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty năm 2016 là 20%. Quý 1 năm 2015 Công ty còn được chuyển lỗ từ các năm trước.

	Lũy kế đến Q1/2016	Lũy kế đến Q1/2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành (BCCI)	2.155.447.468	-
Cộng	2.155.447.468	-

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15
Chi phí thuế TNDN hoãn lãi phát sinh từ lãi dự thu	(319.466.394)	11.591.164
Chi phí thuế TNDN hoãn lãi phát sinh từ trợ cấp thất nghiệp	(2.898.416)	3.771.327
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.519.206	
Cộng	(320.845.604)	15.362.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC HẠNG MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng
3. Số tiền đi vay thực thu lũy kế đến quý 1/2016
Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 35.856.673.411 đồng
4. Số tiền thực trả gốc vay lũy kế đến quý 1/2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 3.483.657.283 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Nhiệm vụ giữa Công ty với các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Nhiệm vụ giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

Người lập

Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Dương An

TP. HCM. Ngày 28 tháng 04 năm 2016

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
BÌNH CHÁNH
Q. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N. 0301884016-010
Nguyễn Thụy Nhân